

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - CẦN THƠ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 312/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 7 - 2026

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Ánh Nguyệt**

2. Bà **Thái Ánh Trinh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Tùng Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 481/2026/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2026, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 615/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà **Hà Thị M** – sinh năm 1978. Có mặt

Cư trú: Khu vực P, phường T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H** – Sinh năm 1977. Có mặt

Cư trú: Khu vực P, phường T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hà Thị M trình bày:

Bà Hà Thị M và ông Nguyễn Văn H đến với hôn nhân do mai mối, có thời gian tìm hiểu nhau khoảng hơn 01 tháng thì chúng tôi tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận T (cũ), thành phố Cần Thơ, nay là phường T, thành phố Cần Thơ.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà M và ông H sống ly thân từ tháng 6/2025 cho đến

nay. Trong thời gian ly thân không ai chủ động hàn gắn tình cảm. Nay bà M không còn tình cảm với ông H nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống bà M và ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 2003. Hai người con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết về quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông H thống nhất như trình bày của bà M về quan hệ hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn, về thời gian chung sống, ly thân.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 06/6/2025 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, từ đó bà M bỏ đi từ ngày 06/6/2025 (âm lịch) cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông H có chủ động liên lạc với bà M để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không liên lạc được với bà M. Nay nhận thấy còn thương vợ nên ông H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 2003. Hai người con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết về quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Hà Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H vì không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn H, về con chung đều đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn H không đồng ý ly hôn với bà Hà Thị M vì còn tình cảm với bà Hà Thị M, về con chung đều đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các vấn đề khác đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Hà Thị M và ông Nguyễn Văn H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà M khởi kiện xin ly hôn. Đây là quan hệ pháp luật về “*Tranh chấp ly hôn*”. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 1 của Luật Số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về hôn nhân: Nhận thấy hôn nhân giữa bà Hà Thị M và ông Nguyễn Văn H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà M khởi kiện xin ly hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự thông cảm lẫn nhau nên đã sống ly thân từ tháng 6/2025 đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng cũng không có giải pháp gì để khắc phục. Nay bà M cương quyết xin ly hôn, ông H cho rằng còn thương vợ và không đồng ý ly hôn nhưng ông cũng không thuyết phục được bà M. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy, nên chấp nhận cho ly hôn là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà M và ông H có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 2003. Hiện nay các người con đều đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống được bản thân, không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết về quyền nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu, nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hà Thị M phải chịu án phí là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở như đã phân tích.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; 28; 35; 39; 147; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hà Thị M và ông Nguyễn Văn H.
2. Về nuôi con, cấp dưỡng: Các người con của bà Hà Thị M và ông Nguyễn Văn H đã thành niên (trên 18 tuổi), sống độc lập, không ai yêu cầu gì; nên không xem xét giải quyết vấn đề nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hà Thị M phải chịu án phí là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010765 ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Công nhận bà M đã nộp xong án phí.
4. Về kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa****Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 4-Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Kiệt